Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-05-04 17:03:44 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 85/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Kết luận số 219-KL/TW, ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 219-KL/TW ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Trên cơ sở ý kiến biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Để thực hiện Kết luận số 219-TW/KL, ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 219-KL/TW), Chính phủ ban hành Chương trình hành động với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt chủ trương, yêu cầu của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 219-KL/TW trong tình hình mới.

2. Nâng cao nhận thức, phát huy trách nhiệm của hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với vai trò nền tảng quan trọng, vị trí chiến lược lâu dài của Nông nghiệp, nông dân, nông thôn để đưa đất nước vào Kỷ nguyên "Vươn mình, thịnh vượng, giàu mạnh của dân tộc". Tạo chuyển biến mạnh mẽ, đồng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương trong phát triển nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ với phát triển đô thị, bảo đảm đồng bộ với vận hành hiệu quả chính quyền địa phương 2 cấp.

3. Xác định nhiệm vụ cụ thể của Chính phủ, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố để xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và cụ thể hóa các chủ trương, nội dung, nhiệm vụ giai đoạn 2026 - 2030 tại Kết luận số 219-KL/TW bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất, hiệu quả và hoàn thành đúng tiến độ đề ra. Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế so sánh quốc gia theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng cao, hiệu quả, bền vững, có sức cạnh tranh cao thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Đông Nam Á và Top 15 trên thế giới vào năm 2030. Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia, kim ngạch xuất khẩu nông sản duy trì đà tăng trưởng cao. Nông dân là chủ thể, trung tâm của quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc và bền vững. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác, sử dụng tài nguyên theo hướng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững; ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường; hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố bám sát định hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 219-KL/TW, Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW đã đề ra và tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai đầy đủ, toàn diện, hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trọng tâm sau đây:

1. Đổi mới công tác truyền thông, thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn gắn với bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên.

- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu, rộng trong toàn xã hội về vị trí, vai trò và đóng góp quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, bảo vệ tài nguyên và môi trường trong tiến trình thúc đẩy tăng trưởng "2 con số", đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới. Đổi mới phương thức truyền thông thông qua các phương tiện truyền thông, các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác nhằm thay đổi tư duy của cả hệ thống chính trị về chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp.

- Cập nhật, bổ sung các mục tiêu, định hướng và giải pháp trong bối cảnh mới đã đề ra tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, Kết luận số 219-KL/TW và Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030 và các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tài nguyên và môi trường cho các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các địa phương, các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân trong các chương trình tuyên truyền, học tập, quán triệt.

- Tích cực phổ biến, tuyên truyền các mô hình sản xuất kinh doanh hiệu quả, nông dân, nông thôn tiêu biểu; khắc phục tình trạng thông tin không chính xác ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

2. Rà soát, hoàn thiện đầy đủ các thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, tạo động lực mới cho phát triển. Phân định rõ vai trò của chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, tăng cường phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn, gắn với hoàn thiện thể chế, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của chính quyền địa phương.

- Rà soát toàn diện, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với mô hình tổ chức các cơ quan sau sáp nhập, hợp nhất, đặc biệt là mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Trong năm 2026, xây dựng 02 dự án luật, gồm: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (thay thế). Tiếp tục rà soát, xây dựng, hoàn thiện, tháo gỡ các điểm nghẽn (nhất là về vốn, đất đai, công nghệ), chồng chéo của hệ thống chính sách pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong các lĩnh vực.

- Sửa đổi, bổ sung, đề xuất các cơ chế, chính sách về thuế, bảo hiểm nông nghiệp, đất đai, đầu tư... nhằm khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi tối đa cho hợp tác xã, doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, đầu tư kho bãi và hệ thống logistics để tránh đứt gãy chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản. Có chính sách hỗ trợ bảo đảm cho người dân, doanh nghiệp yên tâm sản xuất kinh doanh trong trường hợp thị trường biến động.

- Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển kinh tế nông nghiệp số, nông nghiệp tuần hoàn, hỗ trợ các dự án xanh, thúc đẩy chuyển đổi xanh và đầu tư vào các ngành kinh tế thân thiện với môi trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư mạnh mẽ vào nông nghiệp và môi trường, thúc đẩy quá trình "xuất khẩu ngành nông nghiệp" để nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, sức cạnh tranh, giá trị gia tăng, uy tín và vị thế của đất nước.

- Hoàn thiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo; thử nghiệm, thí điểm các mô hình sản xuất nông nghiệp tiên tiến, vượt trội.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và tài nguyên, môi trường; phân cấp, phân quyền tối đa cho các cấp và phân bổ nguồn lực gắn với trách nhiệm giải trình, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường kiểm tra, giám sát; tăng cường tính chủ động, tự chủ, kiến tạo phát triển của địa phương trong chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền; ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

3. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm và hiệu quả sản xuất, kinh doanh nông lâm nghiệp và thủy sản.

- Cơ cấu lại các tiểu ngành, lĩnh vực và trong từng ngành thực chất, hiệu quả, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng thông qua tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế. Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng nâng cao hiệu quả từ nông sản có giá trị thấp sang nông sản có giá trị cao, chuyển đổi những vùng lúa năng suất thấp, một vụ sang sản xuất cây trồng hoặc vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn; chú trọng xây dựng những vùng nguyên liệu lớn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp cho những sản phẩm chủ lực cấp quốc gia, cấp tỉnh.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hiệu quả, bền vững, minh bạch, trách nhiệm gắn với môi trường bền vững; thực hiện tích hợp đa giá trị theo hướng giữ vững an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn; chú trọng phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, khai thác và chế biến theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế; phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Phát triển kinh tế hợp tác, hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển các hình thức hợp tác mới trong nông nghiệp.

- Tổ chức lại sản xuất theo vùng chuyên canh, gắn với chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc và xây dựng mã số vùng trồng, vùng nuôi... đáp ứng yêu cầu thị trường; thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng "xanh", ít phát thải và bền vững thông qua việc thúc đẩy phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất nông nghiệp. Đẩy mạnh nuôi biển và khai thác hải sản bền vững; tập trung giải quyết dứt điểm khuyến nghị của EC để gỡ "Thẻ vàng", ngăn chặn và xử lý nghiêm tàu cá khai thác trái phép ở ngoài vùng biển Việt Nam.

- Tiếp tục củng cố và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã hiệu quả, hiện đại, gắn với chuỗi giá trị và sinh kế bền vững ở nông thôn. Ưu tiên hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, liên kết sản xuất và tiêu

thụ với doanh nghiệp; hợp tác xã nông nghiệp tham gia phát triển vùng nguyên liệu nông sản tập trung.

- Triển khai đồng bộ, kịp thời có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Quyết tâm khắc phục điểm nghẽn pháp chế của ngành, cắt giảm triệt để các điều kiện, thủ tục hành chính để thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ của ngành theo hướng tinh gọn, hiệu quả và tự chủ thực chất; nâng cao năng lực cạnh tranh, có khả năng kết nối với doanh nghiệp, thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ của các đơn vị. Tập trung đào tạo, phát triển và thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao, trọng dụng lực lượng làm nghiên cứu khoa học công nghệ trong khối tư nhân, các nhà khoa học Việt Nam tại nước ngoài và chuyên gia quốc tế, hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh. Thay đổi cách thức đặt hàng, giao nhiệm vụ xuất phát từ thực tiễn, phục vụ sản xuất, thương mại hóa và quản lý nhà nước, trong đó coi trọng, ưu tiên các lĩnh vực có khả năng đột phá mạnh như công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, công nghệ viễn thám, thăm dò địa chất, khoáng sản... Thực hiện chuyển đổi số toàn diện và thực chất; coi trọng xây dựng các nền tảng quản trị dữ liệu dùng chung, dữ liệu lớn, đồng bộ về đất đai, tài nguyên nước, rừng, khí tượng thủy văn và đa dạng sinh học, bản đồ số chuyên ngành (trong đó có cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia trên đất liền, vùng biển và hải đảo Việt Nam) và các hệ thống dự báo, cảnh báo thông minh.

- Tăng cường hoạt động giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ đối với môi trường nuôi, trồng, dịch bệnh, cháy rừng; chủ động triển khai các biện pháp ngăn ngừa, phản ứng nhanh, kịp thời xử lý dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và phòng chống cháy rừng.

- Hỗ trợ kết nối, thúc đẩy chế biến, tiêu thụ trong nước, triển khai các giải pháp khắc phục tình trạng dư thừa, giảm giá gây thiệt hại cho người sản xuất; dự báo và phối hợp với các địa phương xây dựng phương án hỗ trợ tiêu thụ kịp thời nông sản chính vụ; phối hợp tổ chức kết nối thu mua nông sản, đẩy mạnh tiêu thụ nông sản trong các hệ thống, chuỗi siêu thị lớn, tổ chức các diễn đàn hỗ trợ kết nối tiêu thụ nông sản. Phối hợp đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu, đặc biệt với các ngành hàng chủ lực, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh của địa phương và các sản phẩm quốc gia, sản phẩm vùng. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đưa sản phẩm thương hiệu Việt Nam thâm nhập vào hệ thống phân phối quốc tế, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

4. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống của nông dân và cư dân nông thôn.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ,

nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động nghèo khu vực đô thị.

Đào tạo nguồn nhân lực phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa thực chất, hiệu quả, bền vững, đi vào chiều sâu, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn, ưu tiên động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

5. Phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, thông minh, gắn với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; chuyển đổi mô hình tăng trưởng. Thực hiện hài hòa giữa phát triển kinh tế - phát triển văn hóa, xã hội - bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư hạ tầng - nâng cao chất lượng đời sống - giữ gìn bản sắc văn hóa. Thực hiện giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bảo đảm an sinh xã hội, bình đẳng giới, nâng cao thu nhập, chất lượng sống và khả năng tiếp cận dịch vụ cơ bản cho người dân. Phát triển toàn diện khu vực vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi; thu hẹp chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền, nhóm dân cư, nhất là vùng dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng khác; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao niềm tin của đồng bào các dân tộc đối với Đảng và Nhà nước, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc thiểu số.

- Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035; các mô hình phân bố dân cư phù hợp với từng vùng sinh thái tự nhiên và đặc điểm văn hóa, dân tộc, phù hợp với đặc thù của từng vùng, miền. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ và ngành nghề nông thôn. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, bão lũ, sạt lở đất.

- Tập trung đào tạo phát triển nguồn nhân lực và quản trị hợp tác xã theo hướng chuyên nghiệp, số hóa. Xây dựng và vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã và chuỗi giá trị nông sản, làm cơ sở tích hợp điều hành, giám sát chính sách. Tăng cường phối hợp giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, ngân hàng và doanh nghiệp bảo hiểm nông nghiệp nhằm tăng khả năng tiếp cận tín dụng, tài chính và bảo hiểm nông nghiệp; đầu tư phát triển hạ tầng vùng nguyên liệu, các trung tâm đổi mới sáng tạo, logistics, kho bảo quản, cơ sở chế biến quy mô phù hợp.

6. Tiếp tục hoàn thiện và đột phá mạnh mẽ trong xây dựng hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, tài nguyên, môi trường đồng bộ, hiện đại. Tăng đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước, huy động mọi nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư.

- Phát triển thủy lợi đa mục tiêu; xây dựng nâng cấp sửa chữa công trình đê điều, phòng, chống thiên tai, biến đổi khí hậu. Ứng dụng công nghệ quản lý và sử dụng nước hiệu quả; quản trị tài nguyên nước trên nền tảng công nghệ số thông qua các hệ thống công cụ hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân phối, hệ thống thông tin, dữ liệu tài nguyên nước quốc gia, hệ thống theo dõi, đánh giá, giám sát an ninh nguồn nước quốc gia. Phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu, đầu tư cơ sở hạ tầng trên bờ, nuôi biển. Đầu tư xây dựng hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng. Phát triển hạ tầng phục vụ chuỗi cung ứng lạnh, bảo quản, chế biến.

- Tăng cường đầu tư hệ thống điều tra cơ bản, giám sát, quan trắc tài nguyên đất, nước, khoáng sản, khí tượng thủy văn, biển và hải đảo; phát triển cơ sở dữ liệu tài nguyên đồng bộ, thống nhất, phục vụ chuyển đổi số quốc gia; chú trọng hạ tầng kỹ thuật để quản lý, giám sát biến đổi khí hậu, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, bờ biển.

- Tổng hợp các nguồn lực tài nguyên, đặc biệt là đất đai và rừng, biển, nước... thành giá trị vật chất, hạ tầng và tài chính cho phát triển Ngành, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng cả nước 2 con số giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo.

- Tập trung đầu tư các công trình, dự án có tính chất phòng ngừa, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường liên vùng, liên tỉnh; ưu tiên các dự án đầu tư hạ tầng phân tích, xử lý dữ liệu, mô hình hóa phục vụ cảnh báo và dự báo chất lượng môi trường, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia; tăng cường hạ tầng quan trắc, viễn thám, cảnh báo môi trường; đầu tư các trung tâm ứng cứu, xử lý sự cố môi trường trọng điểm.

7. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu

- Tập trung xây dựng và triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) giai đoạn 2026 - 2035; đẩy mạnh thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, các kế hoạch hành động quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn và thích ứng với biến đổi khí hậu..

- Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài nguyên, nhất là đất, nước, khoáng sản, theo nguyên tắc thị trường. Đẩy nhanh hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách bảo đảm đồng bộ, minh bạch các yếu tố thị trường để có khả năng vốn hóa các nguồn lực tài nguyên, phân bổ hợp lý và sử dụng có hiệu quả. Phát triển thị trường, đẩy mạnh thương mại hóa quyền sử dụng đất, tăng cường đăng ký quyền sử dụng đất và áp dụng định giá đất theo thị trường bảo đảm công khai, minh bạch.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước; tăng cường tích nước, điều tiết, quản lý, khai thác, sử dụng tiết kiệm

và hiệu quả nguồn nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân. Quản lý, vận hành kết cấu hạ tầng thủy lợi theo hướng phục vụ đa mục tiêu gắn với chuyển đổi số, vận hành thông minh để khai thác tối đa hiệu quả của các công trình thủy lợi.

- Thực hiện nghiêm và nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường, môi trường chiến lược. Cải thiện rõ rệt tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, các cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông, khu vực nông thôn.

- Phục hồi rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn, các hệ sinh thái sông, hồ, nguồn nước ngầm; kiểm soát ô nhiễm. Phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm lâm nghiệp. Ưu tiên đầu tư vào các chương trình phục hồi rừng ngập mặn, rừng đầu nguồn, đất ngập nước. Phát triển "hạ tầng xanh", "hệ sinh thái tự nhiên chống chịu" với thiên tai. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt tại vùng đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và ven biển. Xử lý dứt điểm các điểm nóng ô nhiễm môi trường tại các đô thị lớn, khu công nghiệp, làng nghề, các dòng sông; ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm mới, cải thiện chất lượng môi trường sống của người dân.

- Tích hợp các tiêu chuẩn môi trường vào quy hoạch và phát triển bền vững: Đồng bộ hóa quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quy hoạch tài nguyên - môi trường. Áp dụng cơ chế "Người gây ô nhiễm phải trả tiền" và "Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR)".

Nhiệm vụ cụ thể của các bộ, ngành tại Phụ lục kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động này và tập trung thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục kèm theo; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kế hoạch thực hiện Chương trình hành động này, định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; kịp thời báo cáo và kiến nghị với cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết để xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có), bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Chương trình hành động này. Tham mưu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phối hợp với Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương (cơ quan chủ trì) hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Kết luận số 219-KL/TW, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ đảng ủy Chính phủ, Bộ Chính trị.

3. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương tăng cường vận động hội viên, đoàn viên và Nhân

dân tích cực hưởng ứng, tham gia thực hiện và giám sát, phản biện xã hội việc thực hiện Chương trình hành động này.

4. Kinh phí thực hiện Chương trình hành động này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và huy động từ các nguồn tài chính hợp pháp khác.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình hành động này, các bộ ngành, địa phương gửi đề xuất, kiến nghị về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 219-KL/TW NGÀY 26 THÁNG 11 NĂM 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, chương trình, đề án, văn bản	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cấp trình; thời gian trình	Sản phẩm
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ	Các bộ, ngành; Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quý I/2026	Kế hoạch
2	Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (Đất đai, Bảo vệ môi trường, biển và hải đảo, viễn thám…)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các Bộ, ngành liên quan; Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quốc hội; Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ; 2026-2030	Luật, Nghị định, Thông tư, Quyết định
3	Đề án hỗ trợ phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng và hiệu quả phổ cập giáo dục ở vùng nông thôn	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ; 2026 - 2027	Quyết định
4	Chương trình đưa lao động nông nghiệp, thành viên hợp tác xã nông nghiệp đi làm việc và học tập ở các nước nông nghiệp phát triển	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Trung ương Hội Nông dân Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao; Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ; 2026 - 2027	Quyết định
5	Chương trình tăng cường tiềm lực cho lực lượng Công an xã chính quy để đảm bảo tình hình an ninh trật tự trong quá trình xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa	Bộ Công an	Các bộ, ngành liên quan	Thủ tướng Chính phủ; 2026 - 2027	Quyết định
6	Luật Cấp, thoát nước	Bộ Xây dựng	Các bộ, ngành liên quan	Quốc hội; 2027	Luật

7	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 về bảo hiểm nông nghiệp	Bộ Tài chính	Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Các bộ, ngành liên quan	Chính phủ; 2026	Nghị định
8	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia trên đất liền, vùng biển và hải đảo Việt Nam	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; 2026 - 2027	Quyết định
9	Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố	Bộ Tài chính; Các bộ, ngành liên quan, Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ, 2026	Quyết định
10	Sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cơ chế định giá đất, cơ chế thu hồi đất, đẩy mạnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải quyết khiếu nại, tố cáo, làm cơ sở đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng và giải quyết cơ bản các điểm nghẽn về đất đai khi thực hiện các dự án liên quan đến sử dụng đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quốc hội; Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ 2026	Nghị quyết; Nghị định; Quyết định
11	Xây dựng Chương trình cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Công Thương; Bộ Xây dựng; Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Trước 2030	Quyết định
12	Hoàn thiện cơ chế quản lý hiệu quả, bền vững tài nguyên rừng gắn với bảo vệ đa dạng sinh học	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Trước 2030	Quyết định

13	Đề án xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; 2026	Quyết định
14	Xây dựng, hoàn thiện hệ thống bản đồ rủi ro thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm thiên tai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Trước 2030	Quyết định
15	Xây dựng các hồ chứa lớn tại miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ; nghiên cứu xây dựng hệ thống trữ nước, công trình điều tiết nước vùng Đồng bằng sông Cửu Long; hoàn thiện các hệ thống thủy lợi.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Trước 2030	Quyết định
16	Xây dựng Đề án Phòng, chống sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; 2026-2027	Quyết định
17	Hoàn thiện Đề án Phòng, chống sạt lở, lũ ống, lũ quét tại miền Trung và trung du, miền núi phía Bắc	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Bộ Tài chính, Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường 2026-2027	Quyết định
18	Xây dựng Đề án an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; 2026	Quyết định

19	Xây dựng Nghị định thay thế Nghị định số 22/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 về Khu Kinh tế quốc phòng	Bộ Quốc phòng	Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ ngành và Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan	Chính phủ; Quý IV/2026	Nghị định
20	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan	Chính phủ; Tháng 3/2026	Nghị định
21	Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (Luật số 115/2025/QH15)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan	Chính phủ; Tháng 3/2026	Nghị định
22	Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan	Thủ tướng Chính phủ; Quý III/2026	Quyết định
23	Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; 2026	Quyết định
24	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế -	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; 2026	Quyết định

	xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030				
25	Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Thủ tướng Chính phủ; 2026	Quyết định